

**TÒA ÁN NHÂN DÂN
TỈNH SÓC TRĂNG**

**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**

Bản án số: 241 /2023/DS-PT

Ngày 20/12/2023

V/v tranh chấp hợp đồng mua
bán tài sản

NHÂN DANH

NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM

TÒA ÁN NHÂN DÂN TỈNH SÓC TRĂNG

- Thành phần Hội đồng xét xử phúc thẩm gồm có:

Thẩm phán – Chủ tọa phiên tòa: Bà **Tăng Thị Thúy Nga**.

Các Thẩm phán: Ông **Nguyễn Thành Hữu**

Ông **Nguyễn Quốc Định**

- Thư ký phiên tòa: Bà Võ Anh Thảo – Thẩm tra viên Tòa án nhân dân tỉnh Sóc Trăng.

- Đại diện Viện kiểm sát nhân dân tỉnh Sóc Trăng: Ông Sơn Cuol - Kiểm sát viên tham gia phiên tòa.

Ngày 20 tháng 12 năm 2023, tại trụ sở Tòa án nhân dân tỉnh Sóc Trăng xét xử phúc thẩm công khai vụ án thụ lý số 194/2023/TLPT-DS ngày 18 tháng 10 năm 2023, về “Tranh chấp hợp đồng mua bán tài sản”.

Do Bản án dân sự sơ thẩm số 41/2023/DS-ST, ngày 24 tháng 7 năm 2023 của Tòa án nhân dân huyện Trần Đề, tỉnh Sóc Trăng bị kháng cáo.

Theo quyết định đưa vụ án ra xét xử phúc thẩm số 304/2023/QĐ-PT ngày 20 tháng 11 năm 2023, giữa các đương sự:

- Nguyên đơn: Bà **Trịnh Thị Cẩm H**, sinh năm 1958 – Là chủ hộ kinh doanh Trịnh Thị Cẩm H. Địa chỉ: ấp L, xã, huyện T, tỉnh Sóc Trăng. (vắng mặt)

- Người đại diện theo ủy quyền của bà H: Bà **Huỳnh Ánh T**, sinh năm 1980 (Theo văn bản ủy quyền ngày 06/9/2022). Địa chỉ: đường N, khóm A, phường B, thành phố S, tỉnh Sóc Trăng. (có mặt)

- Bị đơn:

- Ông **Kim T2**, sinh năm 1972. (vắng mặt)

- Bà **Lưu Thị Hồng P**, sinh năm 1973. (vắng mặt)

Cùng địa chỉ: Ấp T, xã V, huyện T, tỉnh Sóc Trăng.

- Người đại diện theo ủy quyền của bà Hồng P: Bà **Mai Hồng L**, sinh năm

1993 (Theo văn bản ủy quyền ngày 08/4/2023). Địa chỉ: đường C Khu dân cư M, phường G, thành phố S, tỉnh Sóc Trăng. (có mặt)

-*Người kháng cáo:* Bị đơn bà Lưu Thị Hồng P

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Tại đơn khởi kiện lập ngày 06 tháng 9 năm 2022 của nguyên đơn bà Trịnh Thị Cẩm H trình bày:

Vợ chồng bà Lưu Thị Hồng P là khách hàng mua phân bón, thuốc sâu của vợ chồng bà Trịnh Thị Cẩm H nhiều năm nên có qua lại quen biết. Bà Trịnh Thị Cẩm H có bán phân bón, thuốc sâu và thức ăn vịt, thức ăn heo cho vợ chồng bà P từ năm 2016 cho đến năm 2020. Quá trình mua bán thì vợ chồng bà P, ông T2 còn nợ bà Trịnh Thị Cẩm H số tiền 752.544.000 đồng. Nhiều lần bà Trịnh Thị Cẩm H yêu cầu vợ chồng ông T2, bà P thanh toán tiền nhưng hai vợ chồng cứ hứa hẹn. Bà Lưu Thị Hồng P có ký nhận nợ cho bà Trịnh Thị Cẩm H vào ngày 27/11/2020. Từ tháng 9 năm 2020 đến nay thì vợ chồng bà P không còn mua hàng hóa của bà Trịnh Thị Cẩm H nữa và tiền thiếu bà Trịnh Thị Cẩm H cũng không trả. Nay bà Trịnh Thị Cẩm H yêu cầu Tòa án giải quyết buộc vợ chồng bà Lưu Thị Hồng P, ông Kim T2 phải trả số tiền nợ gốc 752.544.000 đồng và tiền lãi tạm tính từ tháng 02 năm 2020 cho đến khi xét xử xong, tiền lãi tạm tính đến ngày khởi kiện ngày 06/9/2022 là 188.136.000 đồng. Tổng số tiền nguyên đơn yêu cầu tạm tính đến ngày khởi kiện là 940.680.000 đồng.

Tại phiên họp công khai chứng cứ cũng như tại phiên tòa sơ thẩm, người đại diện theo ủy quyền của nguyên đơn là bà Huỳnh Ánh T có thay đổi yêu cầu khởi kiện, yêu cầu Tòa án giải quyết buộc vợ chồng ông T2, bà P phải trả cho nguyên đơn số tiền nợ hàng hóa là 591.024.000 đồng và tiền lãi tính từ ngày chốt nợ ngày 27/11/2020 đến ngày Tòa án xét xử sơ thẩm với mức lãi suất là 10%/năm. Ngoài ra, nguyên đơn còn yêu cầu vợ chồng ông T2, bà P phải trả tiền lãi chậm trả mà hai bên đã tính toán trước đó với số tiền 151.520.000 đồng.

Tại biên bản lấy lời khai ngày 20 tháng 3 năm 2023, bị đơn bà Lưu Thị Hồng P trình bày, từ năm 2016, vợ chồng bà có mua phân bón, thuốc trừ sâu, dầu, gạo, thức ăn vịt, thức ăn heo... của bà Trịnh Thị Cẩm H. Vợ chồng bà có khi mua tiền mặt, cũng có khi thiếu. Kể từ ngày 04/9/2020 thì vợ chồng bà ngưng không mua hàng của bà H nữa do bà H không còn bán các mặt hàng phân bón, thuốc trừ sâu, thức ăn vịt, thức ăn heo... mà chỉ còn bán tạp hóa. Khi vợ chồng bà không mua hàng nữa thì vợ chồng bà còn nợ bà H nợ cũ là 235.000.000 đồng (Bà H chốt nợ ngày 20/01/2017) và 01 phiếu nợ mua xăng, dầu, gạo 3.731.000 đồng (Bà H chốt nợ ngày 04/9/2020). Tổng cộng là 238.731.000 đồng. Bà P còn trình bày, khi vợ chồng bà mua nợ hàng của bà H thì bà H có tính lãi, lãi suất bao nhiêu % một tháng thì bà không nhớ. Từ khi mua hàng đến khi ngưng mua bà đã trả lãi cho bà H được bao nhiêu bà cũng không nhớ. Khi mua nợ thì bà và bà H thỏa thuận là bà sẽ trả tiền lãi chậm trả nên khi bà H tính lãi thì bà cũng đồng ý. Có thời điểm bà H đã tính lãi chậm trả cho bà số tiền 151.520.000 đồng nhưng bà đã trả cho bà H rồi. Nay bà H yêu cầu trả nợ, bà chỉ đồng ý trả cho bà H 238.731.000 đồng.

Quá trình giải quyết vụ án bị đơn ông Kim T2 vắng mặt và cũng không có lời trình bày gửi cho Tòa án.

Tại phiên họp công khai chứng cứ ngày 25 tháng 5 năm 2023 cũng như tại phiên tòa sơ thẩm, người đại diện theo ủy quyền của bà Lưu Thị Hồng P là bà Mai Hồng L trình bày, do các bị đơn chỉ còn nợ nguyên đơn 3.731.000 đồng nên các bị đơn chỉ đồng ý trả cho nguyên đơn số tiền 3.731.000 đồng.

Sự việc được Tòa án nhân dân huyện Trần Đề, tỉnh Sóc Trăng thụ lý, giải quyết. Tại Bản án dân sự sơ thẩm số 41/2023/DS-ST, ngày 24 tháng 7 năm 2023 của Tòa án nhân huyện Trần Đề, tỉnh Sóc Trăng đã quyết định:

Căn cứ vào: Khoản 3 Điều 26; điểm a khoản 1 Điều 35; điểm a khoản 1 Điều 39 và khoản 1 Điều 228 của Bộ luật tố tụng dân sự;

Căn cứ: Điều 430, Điều 440, Điều 357; Điều 468 Bộ luật dân sự năm 2015; Khoản 2 Điều 26 Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban thường vụ Quốc Hội qui định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án.

Tuyên xử:

1. Chấp nhận toàn bộ yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn bà Trịnh Thị Cẩm H.

2. Buộc ông Kim T2 và bà Lưu Thị Hồng P có nghĩa vụ thanh toán cho bà Trịnh Thị Cẩm H số tiền 899.595.035 đồng (Tám trăm chín mươi chín triệu, năm trăm chín mươi lăm nghìn, không trăm ba mươi lăm đồng) (591.024.000 đồng + 308.571.035 đồng).

Kể từ ngày có đơn yêu cầu thi hành án của bà Trịnh Thị Cẩm H cho đến khi thi hành án xong mà ông Kim T2 và bà Lưu Thị Hồng P chậm trả tiền thì còn phải trả lãi đối với số tiền chậm trả tương ứng với thời gian chậm trả theo mức lãi suất quy định tại Điều 357, Điều 468 Bộ luật Dân sự năm 2015.

Ngoài ra, bản án sơ thẩm còn tuyên về án phí dân sự sơ thẩm và thông báo quyền kháng cáo của các đương sự theo quy định pháp luật.

Ngày 07 tháng 8 năm 2023 bị đơn bà Lưu Thị Hồng P kháng cáo bản án sơ thẩm theo hướng sửa bản án sơ thẩm không chấp nhận toàn bộ yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn.

Tại phiên tòa phúc thẩm nguyên đơn vẫn giữ nguyên nội dung đơn khởi kiện, bị đơn vẫn giữ nguyên nội dung đơn kháng cáo. Các đương sự không thỏa thuận được với nhau về việc giải quyết vụ án.

Người đại diện theo ủy quyền của bị đơn có ý kiến tranh luận: Bị đơn khẳng định đã trả nợ cho nguyên đơn, chỉ còn nợ lại 3.731.000 đồng. Tiền lãi nguyên đơn muốn tính thế nào thì tính, bị đơn cũng không biết. Bị đơn đã trả lãi cho nguyên đơn nhiều lần nhưng không nhớ là bao nhiêu và cũng không có chứng cứ chứng minh. Biên nhận nợ ngày 27/11/2020 có xác nhận của ông Lâm H1 (Người làm ở Ban nhân dân ấp của nguyên đơn) là không đúng. Bởi vì, bà H đưa cho Lâm

H1 ký lúc nào bị đơn cũng không biết. Hơn nữa, ông Lâm H1 không có vai trò gì và cũng không biết gì về nợ nần của hai bên thì không thể xác nhận như vậy được. Từ những lẽ trên, đề nghị Hội đồng xét xử không chấp nhận yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn.

Người đại diện theo ủy quyền của nguyên đơn có ý kiến tranh luận: Bị đơn làm ruộng rất nhiều, trên 100 công ruộng. Bị đơn đã mua hàng hóa của nguyên đơn kéo dài từ năm 2016 cho đến năm 2020 và thừa nhận có mua nợ của nguyên đơn. Quá trình mua bán nguyên đơn có giao cho bị đơn “Sổ mua hàng” để tiện theo dõi. Số nợ mà bị đơn thiếu được nguyên đơn chốt lại bằng biên nhận nợ. Chứng cứ mà nguyên đơn khởi kiện bị đơn là hai biên nhận nợ, biên nhận nợ ngày 17/7/2019 và biên nhận nợ ngày 27/11/2020. Biên nhận ngày 17/7/2019 được chuyển sang ngày 27/11/2020. Đại diện bị đơn trình bày là đã trả hết chỉ còn nợ lại 3.731.000 đồng nhưng không có chứng cứ gì chứng minh. Số tiền bị đơn ký nhận với nguyên đơn hoàn toàn phù hợp với “Sổ mua hàng” mà bị đơn giữ. Còn những khoản tiền ghi vào biên nhận là những khoản bị đơn mua hàng phát sinh sau này. Hơn nữa, bị đơn P đã thừa nhận chữ viết của bà trong biên nhận nợ chốt lần sau cùng là ngày 27/11/2020 nên nguyên đơn khởi kiện là hoàn toàn có cơ sở. Biên nhận nợ có ông Lâm H1 làm Ban nhân dân ấp ký xác nhận là do hôm đó tình cờ ông H1 đến mua đồ ngay lúc các bên chốt nợ nên có nhờ ông H1 xác nhận luôn. Đề nghị Hội đồng xét xử chấp nhận toàn bộ yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn.

Vị Kiểm sát viên phát biểu ý kiến của Viện kiểm sát nhân dân tỉnh Sóc Trăng về tính có căn cứ và hợp pháp của kháng cáo, việc tuân theo và chấp hành pháp luật tố tụng của những người tiến hành tố tụng và người tham gia tố tụng trong quá trình giải quyết vụ án ở giai đoạn phúc thẩm và tại phiên tòa phúc thẩm. Đồng thời, phát biểu quan điểm về nội dung kháng cáo đề nghị Hội đồng xét xử phúc thẩm không chấp nhận toàn bộ kháng cáo của bị đơn, giữ nguyên bản án sơ thẩm.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Sau khi nghiên cứu các tài liệu có trong hồ sơ vụ án, được thẩm tra các chứng cứ tại phiên tòa, căn cứ vào kết quả tranh tụng, ý kiến phát biểu và đề nghị của những người tham gia tố tụng, Hội đồng xét xử nhận định:

[1] Về chủ thể, nội dung, hình thức đơn kháng cáo và thời hạn kháng cáo của bị đơn là đúng theo quy định tại Điều 271, Điều 272 và Điều 273 Bộ luật tố tụng dân sự nên kháng cáo hợp lệ và đúng theo luật định.

[2] Về tố tụng: Tại phiên tòa phúc thẩm bị đơn ông Kim T2 đã được Tòa án triệu tập hợp lệ lần thứ hai mà vẫn vắng mặt. Căn cứ khoản 3 Điều 296 của Bộ luật tố tụng dân sự Tòa án tiến hành xét xử vụ án.

[3] Nội dung vụ án: Vợ chồng bà Lưu Thị Hồng P có mua phân bón và thuốc trừ sâu của bà Trịnh Thị Cẩm H nhiều năm nhưng chưa thanh toán. Ngày 27 tháng 11 năm 2020 vợ chồng bà Lưu Thị Hồng P có ký giấy nhận nợ với bà Trịnh Thị Cẩm H với số tiền nợ là 752.544.000 đồng. Tòa án cấp sơ thẩm chấp

nhận toàn bộ yêu cầu của nguyên đơn, buộc ông Kim T2 và bà Lưu Thị Hồng P có nghĩa vụ thanh toán cho bà Trịnh Thị Cẩm H số tiền 899.595.035 đồng (trong đó 591.024.000 đồng tiền nợ + 308.571.035 đồng tiền lãi chậm thanh toán). Không thống nhất với quyết định tính lãi của cấp sơ thẩm nên bị đơn bà Lưu Thị Hồng P kháng cáo.

[4] Xét kháng cáo của bị đơn bà Lưu Thị Hồng P yêu cầu cấp phúc thẩm xem xét sửa bản án sơ thẩm theo hướng không chấp nhận toàn bộ yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn. Xét thấy, nguyên đơn và bị đơn trình bày thống nhất các nội dung sau: Giữa nguyên đơn và bị đơn có mua bán phân bón, thuốc trừ sâu và thức ăn cho vịt... từ năm 2016 đến năm 2020. Sau khi kết thúc mua hàng hóa của nguyên đơn thì giữa nguyên đơn bà Trịnh Thị Cẩm H và bị đơn bà Lưu Thị Hồng P có ngồi lại tính toán và kết nợ với nhau bằng biên nhận theo đó bà Lưu Thị Hồng P tự ghi vào biên nhận nợ ngày 27/11/2020 là "*Lưu Thị Hồng P có nhận thiếu tiền 752.544.000 đồng*", bà P thừa nhận các bên có thỏa thuận tính lãi chậm trả tiền nợ phân bón và thuốc trừ sâu... trong đó tiền nợ hàng hóa là 591.024.000 đồng và tiền lãi do chậm thanh toán là 151.520.000 đồng đây là tình tiết, sự kiện không phải chứng minh theo quy định tại khoản 2 Điều 92 của Bộ luật Tố tụng Dân sự năm 2015. Do vậy, có căn cứ để xác định việc bà P có nợ tiền hàng hóa của bà H 591.024.000 đồng và các bên có thỏa thuận tính lãi do chậm thanh toán là có thật. Tuy nhiên, lời trình bày của phía bị đơn là không nhất quán, có lúc bà P cho rằng bà P ghi biên nhận nợ là theo yêu cầu của bà H, bà đã trả nợ cho bà H, nhưng có lúc bà P khai còn nợ bà H 238.731.000 đồng, có lúc phía bà khai chỉ còn nợ bà H 3.731.000 đồng, tại đơn kháng cáo bà P trình bày là đã thanh toán đủ tiền cho bà H và đề nghị cấp phúc thẩm "*Bác toàn bộ yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn*". Xét thấy, việc bà P trình bày là đã trả hết nợ cho nguyên đơn Hồng và hiện nay không còn nợ tiền của nguyên đơn Hồng nhưng không đưa ra được chứng cứ chứng minh, trong khi bà H có chứng cứ chứng minh bà P có nợ tiền hàng và không thừa nhận việc bà P đã trả tiền mua hàng của bà P nợ nên cấp sơ thẩm chấp nhận yêu cầu của bà H buộc bà P và ông T2 có trách nhiệm trả tiền hàng cho bà H là có căn cứ, phù hợp với Điều 440 Bộ luật Dân sự năm 2015. Kháng cáo này của bà P là không có căn cứ chấp nhận.

[5] Đối với phần tiền lãi chậm trả: Xét thấy, như đã phân tích tại mục [4] giữa bà H và bà P khi mua bán có thỏa thuận lãi suất chậm trả là phù hợp với khoản 3 Điều 440 Bộ luật Dân sự năm 2015. Cấp sơ thẩm chấp nhận yêu cầu của nguyên đơn, buộc các bị đơn hoàn trả tiền lãi chậm trả cho nguyên đơn kể từ ngày các bên kết nợ là ngày 27/11/2020 đến ngày xét xử sơ thẩm là ngày 24/7/2023 với lãi suất 0,833%/ tháng là có căn cứ, phù hợp với khoản 3 Điều 440, khoản 1 Điều 357 và Điều 468 Bộ luật Dân sự năm 2015. Kháng cáo yêu cầu sửa bản án sơ thẩm của bị đơn bà Lưu Thị Hồng P là không có căn cứ chấp nhận.

[6] Lời đề nghị của vị Kiểm sát viên đề nghị Hội đồng xét xử không chấp nhận toàn bộ yêu cầu kháng cáo của bị đơn P, giữ nguyên bản án sơ thẩm là có căn cứ chấp nhận.

[7] Về án phí phúc thẩm: Do bản án sơ thẩm được giữ nguyên nên người kháng cáo phải chịu án phí dân sự phúc thẩm theo quy định tại khoản 1 Điều 148 Bộ luật Tố tụng dân sự năm 2015.

Vì các lẽ trên;

QUYẾT ĐỊNH:

Căn cứ vào khoản 1 Điều 308, khoản 1 Điều 148 và khoản 6 Điều 313 Bộ luật tố tụng dân sự năm 2015.

Tuyên xử:

Không chấp nhận toàn bộ kháng cáo của bị đơn bà Lưu Thị Hồng P. Giữ nguyên Bản án dân sự sơ thẩm số 41/2023/DS-ST ngày 24 tháng 7 năm 2023 của Tòa án nhân dân huyện Trần Đề, tỉnh Sóc Trăng. Như sau:

Căn cứ vào: Khoản 3 Điều 26; điểm a khoản 1 Điều 35; điểm a khoản 1 Điều 39 và khoản 1 Điều 228 của Bộ luật tố tụng dân sự;

Căn cứ: Điều 430, Điều 440, Điều 357; Điều 468 Bộ luật dân sự năm 2015; Khoản 2 Điều 26 Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban thường vụ Quốc Hội qui định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án.

Tuyên xử:

1. Chấp nhận toàn bộ yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn bà Trịnh Thị Cẩm H.

2. Buộc ông Kim T2 và bà Lưu Thị Hồng P có nghĩa vụ thanh toán cho bà Trịnh Thị Cẩm H số tiền 899.595.035 đồng (*Tám trăm chín mươi chín triệu, năm trăm chín mươi lăm nghìn, không trăm ba mươi lăm đồng*) (trong đó 591.024.000 đồng tiền nợ hàng hóa + 308.571.035 đồng tiền lãi chậm trả).

Kể từ ngày có đơn yêu cầu thi hành án của bà Trịnh Thị Cẩm H cho đến khi thi hành án xong mà ông Kim T2 và bà Lưu Thị Hồng P chậm trả tiền thì còn phải trả lãi đối với số tiền chậm trả tương ứng với thời gian chậm trả theo mức lãi suất quy định tại Điều 357, Điều 468 Bộ luật Dân sự năm 2015.

3. Về án phí dân sự sơ thẩm:

- Buộc ông Kim T2 và bà Lưu Thị Hồng P phải liên đới nộp 38.987.851 đồng (*Ba mươi tám triệu, chín trăm tám mươi bảy nghìn, tám trăm năm mươi một đồng*) tiền án phí dân sự sơ thẩm.

- Bà Trịnh Thị Cẩm H không phải nộp án phí. Do bà H được miễn nộp tiền tạm ứng án phí nên Hội đồng xét xử không xử lý tiền tạm ứng án của bà H.

4. Án phí dân sự phúc thẩm: Bà Lưu Thị Hồng P phải chịu là 300.000 đồng (*ba trăm ngàn đồng*), được khấu trừ số tiền tạm ứng án phí phúc thẩm bà đã nộp theo biên lai thu tiền số 0009916 ngày 07 tháng 8 năm 2023 tại Chi Cục Thi hành án dân sự huyện Trần Đề, tỉnh Sóc Trăng. Bà Lưu Thị Hồng P đã nộp xong tiền án phí dân sự phúc thẩm.

5. Bản án phúc thẩm này có hiệu lực pháp luật kể từ ngày tuyên án.

6. Trường hợp bản án, quyết định được thi hành theo quy định tại Điều 2 Luật Thi hành án dân sự thì người được thi hành án, người phải Thi hành án có quyền thỏa thuận Thi hành án, quyền yêu cầu Thi hành án, tự nguyện Thi hành án hoặc bị cưỡng chế Thi hành án theo quy định tại các Điều 6, 7, 7a và 9 Luật Thi hành án dân sự, thời hiệu Thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 Luật Thi hành án dân sự.

Nơi nhận:

- VKSND tỉnh Sóc Trăng;
- TAND huyện Trần Đề;
- Chi cục THA huyện Trần Đề;
- Các đương sự;
- Lưu VP, hồ sơ vụ án.

**TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ PHÚC THẨM
THẨM PHÁN – CHỦ TỌA PHIÊN TÒA**

Tăng Thị Thúy Nga